

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 514/2023/DS-PT
Ngày: 28-7-2023
V/v tranh chấp quyền sử dụng
đất, hủy giấy chứng nhận quyền
sử dụng đất”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Mười

Các thẩm phán: Bà Trần Thị Thu Thủy

Ông Nguyễn Văn Khương

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy Tiên – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao
tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh:
Ông Nguyễn Mậu Hưng – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 608/2022/TLPT-DS ngày 05 tháng 12 năm 2022 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2021/DS-ST ngày 15 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2107/2023/QĐ-PT ngày 10/7/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1954 (có mặt)

Địa chỉ: Số ½ đường H, Phường E, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Cao Ngọc S, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt).

2. Bị đơn:

2.1 Ông Nguyễn Thanh H1, sinh năm 1951 (vắng mặt);

2.2 Bà Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 1958 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số D Lô D, Đường số A, Phường E, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Anh Nguyễn Hoàng M, sinh năm 1978, là đại diện ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 04/12/2020 (có mặt).

Địa chỉ: Số A đường H, Phường E, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Nguyễn Thanh T1, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh T (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Thanh X, sinh năm 1948 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số A đường T, Phường F, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2 Ông Nguyễn Thanh L, sinh năm 1955 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số B Ô, Khu C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3.3 Ông Nguyễn Thanh N, sinh năm 1960 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số E đường Á, Phường E, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

3.4 Bà Nguyễn Thị Bạch T2, sinh năm 1957 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số E Ấp C, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

3.5 Ông Nguyễn Thanh L1, sinh năm 1959 (vắng mặt);

Địa chỉ: 195 DUNDEBAR - R - 6065 AUSTRALIA.

3.6 Ông Hồ Thanh N1, sinh năm 1965 (vắng mặt);

Địa chỉ: 46 HURLSTON WAY PERTH WA6064 AUSTRALIA.

3.7 Anh Nguyễn Hoàng M, sinh năm 1978 (có mặt);

Địa chỉ: Số A đường H, Phường E, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

3.8 Chị Nguyễn Ngọc Thanh N2, sinh năm 1990 (vắng mặt);

Địa chỉ: D, lô D, Đường số A, Phường E, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.9 Bà Lê Thị Thu H2, sinh năm 1958 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số ½ đường H, Phường E, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

10. Ông Cổ Thế A, sinh năm 1986 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số D đường T, phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

10. Bà Phan Thị T3, sinh năm 1972 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số H đường L, Phường F, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

3.12 Ông Võ Vĩnh P, sinh năm 1960 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số C đường H, Khu phố H, Phường E, thành phố M, Tiền Giang.

3.13 Anh Trương Lam Hồng L2, sinh năm 1981 (vắng mặt);

Đường H, Khu phố H, Phường E, thành phố M, Tiền Giang.

3.14 Anh Nguyễn Thanh H3, sinh năm 1980 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số ½ đường H, Khu phố H, Phường E, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Chỗ ở hiện nay: Số G L, Phường F, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

3.15 Anh Nguyễn Thanh L3, sinh năm 1978 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số ½ đường H, Khu phố H, Phường E, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

3.16 Anh Nguyễn Văn H4, sinh năm 1986 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số E Ấp C, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

3.17. Ông Bành Hoàng T4, sinh năm 1959 (vắng mặt);

Địa chỉ: 3 đường H, Khu phố H, Phường E, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

3.18. Ủy ban nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thành C - Chủ tịch (xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số 36 đường Hùng Vương, Phường 7, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Nguyễn Thanh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Cha mẹ ông Nguyễn Thanh H là ông Nguyễn Văn K (chết năm 1991) và bà Hồ Thị D (chết năm 2013), có tất cả 08 người con gồm: Nguyễn Thanh X, Nguyễn Thanh H1, Nguyễn Thanh H, Nguyễn Thanh L, Nguyễn Thị Bạch T2, Nguyễn Thanh L1, Nguyễn Thanh N, Hồ Thanh N1.

Vào năm 1965, cha mẹ ông H có sử dụng hợp pháp phần đất diện tích khoảng 10.000m², tại đường H, Phường E, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. Sau đó cha mẹ ông H chuyển nhượng cho người khác 5.000m², phần còn lại diện tích 5.000m². Đến ngày 31/01/1991, ông H được cha mẹ giao lại cho ông đứng tên đăng ký kê khai nộp thuế đất nông nghiệp, cũng vào thời điểm này ông H được cha mẹ cho 500m² đất để xây dựng nhà ở. Sau khi cha mẹ qua đời thì chôn cất trên phần đất ông được cho, phần đất còn lại ông H tiếp tục đứng tên quản lý, sử dụng.

Đến năm 2004, nhà nước thu hồi toàn bộ diện tích 500m² đất của ông H được cha mẹ cho nên ông H phải di dời mộ của cha qua phần diện tích đất còn lại để chôn cất. Ông H đã bỏ ra số tiền 196.500.000 đồng để xây dựng nhà mồ kiên cố trên đất nhằm mục đích làm đất thổ mộ dùng vào việc chôn cất cha mẹ ông H. Đến năm 2013, khi mẹ ông H qua đời thì ông tiếp tục chôn cất mẹ ông.

Sau khi cha ông H qua đời, em ông H là Nguyễn Thanh H1 có hỏi ông và được sự đồng ý thống nhất của các anh chị em trong gia đình cho ông H1 cất một ngôi nhà trước phần đất thổ mộ đang chôn cất cha ông H, chưa thỏa thuận phân chia quyền sử dụng đất. Phần đất ông H1 cất nhà ở cũng do ông H đứng tên đăng ký kê khai và đóng thuế đất nông nghiệp hàng năm.

Đến năm 2012, ông H1 tự ý lập hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà không thông qua anh chị em. Khi đo vẽ thì ông H1 chỉ cho cán bộ đo đạc đo luôn phần đất thổ mộ dùng vào chôn cất cha mẹ. Hiện nay ông H1 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03310, ngày 11/12/2012, đối với thửa đất 31,

tờ bản đồ số 2, diện tích 1.494,1m², trong đó có phần đất thổ mộ diện tích 70m² để chôn cất cha mẹ và lối đi vào phần đất thổ mộ ngang 2,5m, chiều dài từ mặt đường H vô hết phần đất thổ mộ.

Nhận thấy ông H1 có hành vi gian dối để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong đó có phần diện tích đất thổ mộ dùng vào việc chôn cất cha mẹ nên ông H đã nhiều lần thương lượng, yêu cầu ông H1 tách phần đất thổ mộ và phần đất đi vào phần mộ để ông H đại diện tất cả anh chị em đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, làm tài sản chung dùng vào việc chôn cất nhưng phía ông H1 không đồng ý. Sự việc cũng được Ủy ban nhân dân phường E, thành phố M hòa giải nhưng không thành.

Nay ông H yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03310, ngày 11/12/2012, do Ủy ban nhân dân thành phố M cấp cho ông Nguyễn Thanh H1 và bà Nguyễn Thị Bích T; Công nhận phần diện tích 70m² đất thổ mộ và phần diện tích lối đi vào phần đất thổ mộ có chiều ngang 2,5m, chiều dài từ mặt đường Hồ Văn N3 vô đến hết phần đất thổ mộ là tài sản chung của tất cả anh chị em ông H, để dùng vào việc chôn cất cha mẹ, đồng thời giao cho ông H đại diện đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Ông Nguyễn Thanh H yêu cầu ông H1 tháo dỡ mái che, phần nhà phía sau nhà ông H (bên hông khu mộ) diện tích khoảng 73,8m².

Ông Nguyễn Thanh H bổ sung: Khi phần đất thuộc quyền sử dụng của ông bị giải tỏa để xây dựng siêu thị C1 vào năm 2004, ông nghe nói ông H1 chưa có giấy tờ về quyền sử dụng đất. Ông H1 còn có gian dối trong việc xin giấy phép xây dựng.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày:

Bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì không có chứng cứ chứng minh thửa đất số 31 là tài sản chung của các anh chị em ông H. Việc cấp quyền sử dụng đất cho ông H1, bà T theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 11/12/2012 là hợp pháp. Nguồn gốc đất do cha mẹ ông H1 cho từ năm 1984, ông H1, bà T sử dụng đến nay không có tranh chấp. Ông Nguyễn Thanh H1 và bà Nguyễn Thị Bích T có đơn phản tố, yêu cầu ông H và các thành viên trong hộ gia đình ông H phải tháo dỡ, di dời 03 máy lạnh và khung bao, mỗi khung bao máy lạnh có kích thước ngang 01m, dài 01m, dày 0,5m và 04 mái che, mỗi mái che có kích thước dài 2,2m, rộng 0,7m, trả lại phần không gian lấn chiếm trên đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông H1, bà T, thuộc thửa số 95, tờ bản đồ số 2, diện tích 199,2m², đất trồng cây lâu năm, tại khu phố H, phường E, thành phố M, tỉnh Tiền Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS10971, ngày 12/7/2019, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp cho ông Nguyễn Thanh H1 và bà Nguyễn Thị Bích T. Yêu cầu thực hiện một lần sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại bản trình bày ý kiến và yêu cầu ngày 04/11/2020 (bút lục 112-113), ông Nguyễn Thanh H1 và bà Nguyễn Thị Bích T trình bày: Ông bà không đồng ý với yêu cầu của ông H vì lý do sau: Phần đất diện tích 70m² và lối đi vào có chiều ngang 2,5m mà ông H yêu cầu được đứng tên nằm trên đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông bà từ năm 1984, được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 2003, cấp đổi năm 2012, 2019. Sau khi siêu thị C1 đầu tư xây dựng, Nhà nước giải tỏa một phần đất có mộ của cha ông. Năm 2005, ông đồng ý di dời mộ của cha ông về phần đất cây lâu năm của riêng ông. Đến ngày 05/10/2013, xây mộ mẹ ông cạnh bên mộ cha trên phần đất thửa 31, diện tích 1.494,1m², loại đất trồng cây lâu năm, tại khu phố H, phường E, thành phố M, Tiền Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH03310, ngày 11/12/2012 của Ủy ban nhân dân thành phố M cấp cho ông H1 và bà T. Năm 2019, thửa đất số 31 nói trên tách thành thửa 95, diện tích 199,2m², loại đất trồng cây lâu năm, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS10971, ngày 12/7/2019 cho ông H1 và bà T. Trong năm này, ông bà đã bỏ tiền ra xây dựng con đường ngang khoảng 2,3m, dài 35m từ ngoài đi vào 02 ngôi mộ. Phần đất diện tích 1.494,1m² và phần đất diện tích 199,2m², loại đất trồng cây lâu năm không phải là đất thổ mộ hay nghĩa trang của gia tộc mà chỉ có hai ngôi mộ của cha mẹ ông và ông H. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông H là không có căn cứ.

Anh Nguyễn Hoàng M không trình bày bổ sung.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Thu H2, bà Phan Thị T3, bà Nguyễn Thị Bạch T2 có đơn xin vắng mặt; ông Nguyễn Thanh X, ông Nguyễn Thanh L, ông Nguyễn Thanh N, ông Nguyễn Thanh L1, ông Hồ Thanh N1, chị Nguyễn Ngọc Thanh N2, ông Cổ Thế A, ông Võ Vĩnh P, anh Trương Lam Hồng L2, anh Nguyễn Thanh H3, anh Nguyễn Thanh L3, anh Nguyễn Văn H4, Ủy ban nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt, không có ý kiến gì về nội dung vụ án.

Ông Bành Hoàng T4 có đơn xin vắng mặt nhưng theo bản tường trình ngày 11/11/2021, ông trình bày: Theo ông H trình bày thửa đất số 31 được chuyển nhượng cho nhiều người trong đó có ông nhưng ông không phải là người đứng tên quyền sử dụng thửa đất số 60 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS12353, ngày 06/8/2020.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2021/DS-ST ngày 15 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Căn cứ vào Khoản 9 Điều 26, Điều 34, Điều 37, Điều 147, Điều 153, Điều 157, Điều 228, Điều 273, Điều 476, Khoản 5 Điều 477, Điều 479 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 106, Điều 158, Điều 164, Điều 174, Điều 175 Bộ luật dân sự 2015.

Căn cứ vào Điều 17, Điều 95, Điều 97, Điều 100, Điều 166, Điều 179 Luật đất đai.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh H về yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH03310 ngày 11/12/2012, được Ủy ban nhân dân thành phố M cấp cho ông Nguyễn Thanh H1 và bà Nguyễn Thị Bích T, đối với phần đất thửa số 31, diện tích 1494,1m², loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc khu phố H, phường E, thành phố M, Tiền Giang.

2/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh H về yêu cầu công nhận phần đất thổ mộ diện tích 70m² và lối đi vào phần đất mộ có chiều ngang 2,5m, chiều dài từ mặt đường Hồ Văn N3 vào đến hết phần đất thổ mộ, là tài sản chung của anh chị em ông H, dùng vào việc chôn cất cha mẹ, đồng thời giao cho ông H đại diện đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

3/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh H về yêu cầu ông H1, bà T tháo dỡ mái che trên thửa đất 95, tờ bản đồ số 2, diện tích 199,2 m², đất trồng cây lâu năm, tại khu phố H, phường E, thành phố M, tỉnh Tiền Giang, được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS10971 ngày 12/7/2019 cho ông Nguyễn Thanh H1 và bà Nguyễn Thị Bích T.

4/ Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Thanh H1, bà Nguyễn Thị Bích T:

Buộc ông Nguyễn Thanh H, bà Lê Thị Thu H2 có nghĩa vụ tháo dỡ, di dời 04 mái che kích thước 2,2m X 0,7m về hướng Tây và hướng N4 (mỗi hướng hai mái che), 03 máy lạnh và khung bao kích thước 01m X 01m X 0,5m về hướng Tây và hướng N4 (hướng Tây 01 cái, hướng Nam 02 cái), trên tường nhà số ½ đường H, phường E, thành phố M, tỉnh Tiền Giang, thuộc thửa đất số 71, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS08939, ngày 16/01/2018 cho ông Nguyễn Thanh H, bà Lê Thị Thu H2; trả lại phần không gian quyền sử dụng thửa đất 95 về hướng Đông và hướng Bắc, tờ bản đồ số 2, diện tích 199,2m², loại đất trồng cây lâu năm, tại khu phố H, phường E, thành phố M, tỉnh Tiền Giang, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS10971 ngày 12/7/2019 cho ông Nguyễn Thanh H1, bà Nguyễn Thị Bích T.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí, quyền thi hành án và quyền kháng cáo của các bên đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 19/11/2021 nguyên đơn ông Nguyễn Thanh H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Thanh H có người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp là Luật sư Cao Ngọc S trình bày giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là Luật sư Cao Ngọc S trình bày: Về tố tụng, cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp không đúng, lời khai của bị đơn không có căn cứ. Năm 1984 cụ Nguyễn Văn K không có văn bản cho đất ông H1. Ngày 27/3/2003 tại đơn đăng ký kê khai quyền sử dụng đất ông H1 không ghi cụ thể diện tích là bao nhiêu, có nhiều dấu chỉnh sửa trên đơn đủ chứng minh ông H1 là người sử dụng đất không ngay tình. Ngày 01/4/2003 cụ D có giấy xác nhận cho đất nhưng do Công an P1 xác nhận chữ ký là không đúng thẩm quyền vì công an không có thẩm quyền xác nhận chữ ký, thẩm quyền phải là của Ủy ban nhân dân Phường E là nơi có bất động sản mới đúng. Ngoài giấy xác nhận cho đất của cụ D thì ông H1 không có tài liệu khác chứng minh ông H1 sử dụng đất từ năm 1984. Còn nguyên đơn thì chứng minh được vì nguyên đơn có giấy của cụ K cho đất năm 1987, có kê khai thu thuế. Ông H1 kê khai không đúng quy định, thời điểm lập bản vẽ có phần mộ nhưng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không thể hiện phần mộ là không đúng hiện trạng. Chữ ký giáp ranh tên Nguyễn Thanh H không phải của ông H - nguyên đơn. Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nếu không thể khắc phục được những vi phạm tố tụng nêu trên thì đề nghị hủy án sơ thẩm để xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

Nguyên đơn ông Nguyễn Thanh H trình bày ông H không nhận 8 tỷ đồng tiền đền bù.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bị đơn là Luật sư Nguyễn Thành T5 trình bày: Nguyên đơn tranh chấp quyền sử dụng đất nên cấp sơ thẩm đã xác định quan hệ là “Tranh chấp quyền sử dụng đất, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” là đúng. Nguồn gốc đất tranh chấp là của cụ K, cụ D đã phân chia cho các con từ năm 1984, bị đơn cũng ở trên đất tranh chấp từ thời điểm đó, được nguyên đơn thừa nhận. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông H1 được thực hiện đúng quy trình, ông H1 có quá trình sử dụng đất, giấy chứng nhận cũng được cấp đi cấp lại nhiều lần. Giấy cho đất của vụ D chỉ là xác nhận lại sự việc trước đây đã có, không phải giấy tặng cho nên không cần phải xác nhận tại Ủy ban nhân dân Phường E như lập luận của phía nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 và tuân thủ đúng pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung: Vị kiểm sát viên phân tích các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xét kháng cáo của nguyên đơn, nhận thấy bản án sơ thẩm đã xét xử là có căn cứ, yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn không có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn trong hạn luật định, hợp lệ, được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn:

[2.1] Về nội dung vụ án:

- Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu:

Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (sau đây gọi tắt là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) có số vào sổ cấp GCN CH03310, ngày 11/12/2012, được Ủy ban nhân dân thành phố M cấp cho ông Nguyễn Thanh H1 và bà Nguyễn Thị Bích T, đối với phần đất thửa số 31, diện tích 1.494,1m², loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc khu phố H, phường E, thành phố M, Tiền Giang.

Đồng thời nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại phần diện tích 70m² đất thổ mộ và phần diện tích lối đi vào phần đất thổ mộ có chiều ngang 2,5m, chiều dài từ mặt đường H vô đến hết phần đất thổ mộ; Yêu cầu ông H1 tháo dỡ mái che, phần nhà phía sau nhà ông H (bên hông khu mộ) diện tích khoảng 73,8m².

- Bị đơn ông Nguyễn Thanh H1 và bà Nguyễn Thị Bích T không đồng ý với yêu cầu của ông H và cho rằng: Phần đất diện tích 70m² và lối đi vào có chiều ngang 2,5m mà ông H yêu cầu được đứng tên nằm trên đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông bà từ năm 1984, được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 2003, cấp đổi năm 2012, 2019. Sau khi siêu thị C1 đầu tư xây dựng, Nhà nước giải tỏa một phần đất có mộ của cha ông. Năm 2005, ông đồng ý di dời mộ của cha ông về phần đất cây lâu năm của riêng ông. Đến ngày 05/10/2013, xây mộ mẹ ông cạnh bên mộ cha trên phần đất thửa 31, diện tích 1.494,1m², loại đất trồng cây lâu năm, tại khu phố H, phường E, thành phố M, Tiền Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH03310, ngày 11/12/2012 của Ủy ban nhân dân thành phố M cấp cho ông H1 và bà T. Năm 2019, thửa đất số 31 nói trên tách thành thửa 95, diện tích 199,2m², loại đất trồng cây lâu

năm, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS10971, ngày 12/7/2019 cho ông H1 và bà T. Trong năm này, ông bà đã bỏ tiền ra xây dựng con đường ngang khoảng 2,3m, dài 35m từ ngoài đi vào 02 ngôi mộ. Phần đất diện tích 1.494,1m² và phần đất diện tích 199,2m², loại đất trồng cây lâu năm không phải là đất thổ mộ hay nghĩa trang của gia tộc mà chỉ có hai ngôi mộ của cha mẹ ông và ông H.

[2.2] Xét yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ cấp GCN CH03310, ngày 11/12/2012, được Ủy ban nhân dân thành phố M cấp cho ông Nguyễn Thanh H1 và bà Nguyễn Thị Bích T, đối với phần đất thửa số 31, diện tích 1.494,1m², loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc khu phố H, phường E, thành phố M, Tiền Giang.

Hội đồng xét xử nhận thấy, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 11/12/2012 được cấp đổi trên cơ sở Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 15/01/2009. Do đó, để xem xét tính hợp pháp của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 11/12/2012, cần xem xét tính hợp pháp của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp lần đầu cho thửa đất này là Giấy chứng nhận cấp quyền sử dụng đất ngày 15/01/2009 (bút lục 690). Căn cứ vào hồ sơ cấp quyền sử dụng đất thửa 31, diện tích 1.464m², theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận H06199, ngày 15/01/2009 (bút lục 685-690), Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.2.1] Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục:

Về thẩm quyền: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H06199, ngày 15/01/2009 cấp cho ông H1, bà T do Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M ký thay Chủ tịch là đúng thẩm quyền theo quy định tại Khoản 2 Điều 52 Luật đất đai 2003 và quy định về việc phân công nhiệm vụ của Ban lãnh đạo Ủy ban nhân dân thành phố.

Về trình tự, thủ tục: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 06199, ngày 15/01/2009 được Ủy ban nhân dân thành phố M được ban hành đúng quy định tại Điều 123 Luật đất đai 2003, Điều 136 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004.

[2.2.2] Xét tính hợp pháp về hình thức và nội dung:

Về hình thức: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này cấp cho ông H1, bà T đúng mẫu do Bộ T6 phát hành theo quy định tại Điều 48 Luật đất đai 2003, thể hiện thông tin đúng theo hướng dẫn tại Khoản 1 Điều 41 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004, Quyết định số 24/2004/QĐ-BTNMT ngày 01/11/2004 của Bộ trưởng Bộ T6 ban hành quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Về nội dung: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông H, đại diện hợp pháp của bị đơn cùng thống nhất nguồn gốc thửa đất 31 do cụ Nguyễn Văn K và cụ

Hồ Thị D sử dụng từ năm 1974. Tuy nhiên, hai bên không thống nhất ở nội dung sau: ông H cho rằng quyền sử dụng đất thửa 31 được cấp cho ông H1 trái pháp luật vì cha mẹ chưa cho; phía bị đơn xác định, cha mẹ đã cho thửa đất trên từ năm 1984 và đã đăng ký, kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2003.

Phía nguyên đơn cho rằng, ông H1 tự ý đăng ký kê khai cấp quyền sử dụng đất thửa 31 vào năm 2012 mà không thông qua anh chị em, ông khởi kiện ông H1 vì ông này cất nhà trước mộ của cha mẹ. Nhận thấy, lời trình bày của ông H có nhiều mâu thuẫn với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ cũng như quá trình sử dụng thực tế thửa đất số 31. Theo đơn khởi kiện (bút lục 64-65), ông H trình bày, sau khi cha mẹ mất, anh chị em thống nhất cho ông H1 cất nhà. Bên cạnh đó, tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện, ông H1 đi đăng ký kê khai quyền sử dụng đất vườn diện tích 1.764m², thuộc thửa 133 vào ngày 27/3/2003 (bút lục 459), được Ủy ban nhân dân thành phố M chấp thuận duyệt cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 21/5/2003 tại Tờ trình 1613/QLĐT-ĐC & MT ngày 10/5/2003 (bút lục 689). Đến ngày 15/01/2009, ông H1, bà T được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu đối với thửa đất này với số thửa mới là 31, tờ bản đồ số 2, diện tích giảm còn 1.464m² do chuyển nhượng cho ông H 300m² (bút lục 685-690). Riêng phần đất thổ cư diện tích 74,4m² đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở cho ông H1, bà T theo Giấy chứng nhận có số hồ sơ gốc 13396, ngày 01/8/2003 (bút lục 685). Đến ngày 19/8/2016, ông Hà t cho quyền sử dụng thửa đất này (có số thửa là 31) cho bà T và hai con là M, N2 (bút lục 438-447). Tiếp theo, ngày 03/11/2018, bà T, anh M, chị N2 chuyển nhượng thửa đất trên cho ông Cổ Thế A (bút lục 423-437).

Ông H cho rằng thửa đất số 31 còn là tài sản của cha mẹ, cha mẹ giao cho ông quản lý sử dụng và đăng ký kê khai nhưng quá trình biến động thửa đất 31 từ khi ông H1, bà T được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào các năm 2003, 2009, 2012 đến nay, một phần thửa đất này đã được chuyển nhượng, tặng cho rất nhiều người, trong đó có ông H nhưng ông H và các anh chị em hoàn toàn không tranh chấp, khiếu nại. Vào thời điểm này, cụ D còn sống (cụ mất ngày 03/10/2013 – bút lục 38) nhưng cụ cũng không có ý kiến. Trên thực tế, thời điểm ông H1 mới đi đăng ký kê khai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 31 (trước là thửa 133) nhưng chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông H1, bà T đã chuyển nhượng một phần thửa đất này với diện tích là 300m² cho ông H giá 300.000.000 đồng và được Ủy ban nhân dân thành phố M duyệt ngày 14/10/2004 (trang 2 - bút lục 689). Tiếp theo vào ngày 30/3/2013, vợ chồng ông H lại nhận tặng cho phần đất diện tích 64,2m² thuộc thửa 31 nói trên từ vợ chồng ông H1, bà T (bút lục 393-401). Chính ông H thừa nhận, thửa đất số 71 thuộc quyền sử dụng đất ông H, bà H1 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS08939, ngày 16/01/2018 (bút lục 474-475), hiện

ông bà cất nhà có nguồn gốc được tách ra từ thửa 31 do nhận chuyển nhượng vào năm 2004 và nhận tặng cho vào năm 2013 từ ông H1, bà T.

Như vậy, xác nhận của cụ D ngày 01/4/2003 tại bút lục số 458 với nội dung có cho đất ông H1 từ năm 1984 là có cơ sở. Tờ xác nhận nói trên không phải là một văn bản về giao dịch tặng cho quyền sử dụng đất nên người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đánh giá tính hợp pháp của văn bản này về mặt nội dung và hình thức, từ đó xác định Giấy chứng nhận cấp quyền sử dụng đất thửa 31 cho ông H1, bà T trái với pháp luật là không có căn cứ. Giấy xác nhận ngày 01/4/2003 của cụ D chỉ có ý nghĩa xác nhận một sự thật là ông H1 đã được cha mẹ cho đất sử dụng từ năm 1984 để ông làm thủ tục cấp quyền sử dụng đất thửa 31. Xác nhận này phù hợp với thực tế khách quan là quá trình sử dụng đất của ông H1, bà T đối với thửa 31 như đã nhận định trên và phù hợp với lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, trong đó có ông H. Ông H cũng thừa nhận, ông H1, bà T cất nhà trên thửa đất số 31 khi cha mẹ ông còn sống. Như vậy, thửa đất số 31 có nguồn gốc của vợ chồng cụ K nhưng vợ chồng cụ đã cho ông H1 sử dụng từ năm 1984 nên thửa đất này không còn là di sản của hai cụ. Nhận thấy, đại diện hợp pháp của ông H1, bà T trình bày cụ K, cụ D cho ông H1 phần đất thửa 31 từ năm 1984 là có cơ sở. Điều này phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án là Tờ trình số 1613/QLĐT-ĐC&MT ngày 10/5/2003 của Phòng quản lý Đô thị - Địa chính & Môi trường thành phố M (bút lục 689), Giấy xác nhận của cụ D ngày 01/4/2003 (bút lục 458).

Ông H1, bà T là người sử dụng đất ổn định, lâu dài, không có tranh chấp nên về mặt nội dung, việc cấp quyền sử dụng đất cho ông H1, bà T đối với thửa đất nêu trên vào ngày 15/01/2009 phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 10, Khoản 4 Điều 50 Luật đất đai 2003, điểm b Khoản 2 Điều 38 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004. Do đó, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H 06199, ngày 15/01/2009 được Ủy ban nhân dân thành phố M cấp cho ông H1, bà T, đối với phần đất thửa số 31, diện tích 1464,1m², loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc khu phố H, phường E, thành phố M, Tiền Giang đúng theo quy định của pháp luật.

Theo đó, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03310, ngày 11/12/2012, do Ủy ban nhân dân thành phố M cấp cho ông Nguyễn Thanh H1 và bà Nguyễn Thị Bích T quyền sử dụng phần đất thửa số 31, diện tích 1.494,1m², loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc khu phố H, phường E, thành phố M, Tiền Giang được cấp đổi từ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H06199, ngày 15/01/2009. Lý do của việc xin cấp đổi Giấy chứng nhận là do diện tích tăng thêm 30,1m², hiện trạng ranh giới quyền sử dụng đất không thay đổi, không tranh chấp. Căn cứ và hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03310, ngày 11/12/2012 (bút lục 462-471), nhận thấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này được ban hành đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hình thức và nội dung theo quy định tại các Khoản 2 Điều 52 Luật đất đai 2003, Điều 123 Luật đất đai 2003, Điều 6, Điều 11, Điều 14 Nghị

định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009, Thông tư 17/2009/TT-BTNMT21/10/2009 của Bộ T6.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03310, ngày 11/12/2012, cấp cho ông H1, bà T đối với phần đất thửa số 31, diện tích 1494,1m², loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc khu phố H, phường E, thành phố M, Tiền Giang, với lý do ông H1 cất nhà trước hai ngôi mộ của cha mẹ là có căn cứ, phù hợp với các quy định pháp luật.

[2.3] Xét yêu cầu của ông H về việc công nhận phần đất thổ mộ diện tích 70m² và phần diện tích lối đi vào phần đất thổ mộ có chiều ngang 2,5m, chiều dài từ mặt đường H vô đến hết phần đất thổ mộ, là tài sản chung của tất cả anh chị em ông H, để dùng vào việc chôn cất cha mẹ, đồng thời giao cho ông H đại diện đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại phiên tòa, ông H yêu cầu được công nhận quyền sử dụng phần đất này vì ông không được tạo điều kiện trong việc chăm sóc mộ phần của cha mẹ là cụ K, cụ D tại thửa đất số 95, diện tích 199,2m², loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc khu phố H, phường E, thành phố M, Tiền Giang.

Căn cứ vào Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 09/4/2021, phần đất có hai ngôi mộ của cụ K, cụ D và lối đi vào mộ là một phần của thửa đất số 95, diện tích 199,2m², loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc khu phố H, phường E, thành phố M, Tiền Giang được cấp quyền sử dụng đất cho ông H1, bà T theo Giấy chứng nhận số CS10971, ngày 12/7/2019 (bút lục 372-373).

Theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 19/4/2021 kèm theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 09/4/2021 (bút lục 508-511, 518-519), thửa 95 có diện tích thực tế là 206,8m² (được ký hiệu từ S6 đến S19), trong đó: phần đất ký hiệu S6 có diện tích 32m², hiện trạng được ông H1, bà T dựng mái che; phần đất ký hiệu S7 có diện tích 88,2m²: hiện trạng là lối đi vào phần đất có hai ngôi mộ; phần đất ký hiệu S8, diện tích 66,2m² là nơi có mộ phần của cụ K, cụ D; phần đất ký hiệu S9 có diện tích 24,4m²: hiện trạng là sân trước nhà của ông H1, bà T cất trên thửa đất số 85. Như vậy, phần đất ông H yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất cho ông và các anh chị em ông có diện tích thực tế là 154,4m² (ký hiệu từ S7, S8).

Căn cứ vào hồ sơ biến động thửa đất số 31, diện tích 1464,1m², loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc khu phố H, phường E, thành phố M, Tiền Giang, được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H06199, ngày 15/01/2009 cho ông H1, bà T, thửa đất số 31 được chuyển quyền sử dụng cho nhiều người (bút lục 374-448, 451-471, 640-663), phần còn lại của thửa đất này là thửa đất số 95, diện tích 199,2m², được cấp quyền sử dụng đất cho ông H1, bà T theo Giấy chứng nhận số CS10971, ngày 12/7/2019.

Hội đồng xét xử nhận thấy, yêu cầu công nhận quyền sử dụng phần đất mộ và lối đi vào mộ thuộc thửa đất số 95 là yêu cầu của cá nhân ông H. Các anh chị em của ông hoàn toàn không có ý kiến về việc này. Đồng thời, việc cấp quyền sử dụng đất cho ông H1, bà T đối với thửa đất 31, diện tích 1.464,1m², loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc khu phố H, phường E, thành phố M, Tiền Giang là phù hợp với quy định của pháp luật nên thửa đất số 95 thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông H1, bà T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện hợp pháp của ông H1, bà T là anh Minh xác n, do lối đi vào vào mộ nằm chung với khuôn viên với thửa đất 85 có nhà của anh M, không có tường rào phân chia hai thửa 95 và 85 nên khi đi thăm mộ, nếu họ hàng thông báo anh vẫn mở cổng, tạo điều kiện cho mọi người thăm mộ phần. Do đó, ông H không có căn cứ cho rằng vì không được tạo điều kiện thăm phần mộ của cha mẹ nên yêu cầu được công nhận quyền sử dụng phần đất mộ và lối đi cho ông và các anh chị em của ông. Vì vậy cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này của ông H là có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn có kháng cáo nhưng không có tài liệu, chứng cứ mới so với những chứng cứ đã được cấp sơ thẩm đánh giá làm cơ sở cho yêu cầu kháng cáo.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy cấp sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ; Yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn là không có cơ sở nên Hội đồng xét xử không chấp nhận. Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Do nguyên đơn ông Nguyễn Thanh H sinh năm 1951 là người cao tuổi, theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì ông H được miễn nộp án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh H. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2021/DS-ST ngày 15 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Tuyên xử:

1/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh H về yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH03310 ngày 11/12/2012, được Ủy ban nhân dân thành phố M cấp cho ông Nguyễn Thanh H1 và bà Nguyễn Thị Bích T, đối với phần đất thửa số 31, diện tích 1494,1m², loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc khu phố H, phường E, thành phố M, Tiền Giang.

2/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh H về yêu cầu công nhận phần đất thổ mộ diện tích 70m² và lối đi vào phần đất mộ có chiều ngang 2,5m, chiều dài từ mặt đường Hồ Văn N3 vào đến hết phần đất thổ mộ, là tài sản chung của anh chị em ông H, dùng vào việc chôn cất cha mẹ, đồng thời giao cho ông H đại diện đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

3/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh H về yêu cầu ông H1, bà T tháo dỡ mái che trên thửa đất 95, tờ bản đồ số 2, diện tích 199,2 m², đất trồng cây lâu năm, tại khu phố H, phường E, thành phố M, tỉnh Tiền Giang, được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS10971 ngày 12/7/2019 cho ông Nguyễn Thanh H1 và bà Nguyễn Thị Bích T.

4/ Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Thanh H1, bà Nguyễn Thị Bích T:

Buộc ông Nguyễn Thanh H, bà Lê Thị Thu H2 có nghĩa vụ tháo dỡ, di dời 04 mái che kích thước 2,2m X 0,7m về hướng Tây và hướng N4 (mỗi hướng hai mái che), 03 máy lạnh và khung bao kích thước 01m X 01m X 0,5m về hướng Tây và hướng N4 (hướng Tây 01 cái, hướng Nam 02 cái), trên tường nhà số ½ đường H, phường E, thành phố M, tỉnh Tiền Giang, thuộc thửa đất số 71, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS08939, ngày 16/01/2018 cho ông Nguyễn Thanh H, bà Lê Thị Thu H2; trả lại phần không gian quyền sử dụng thửa đất 95 về hướng Đông và hướng Bắc, tờ bản đồ số 2, diện tích 199,2m², loại đất trồng cây lâu năm, tại khu phố H, phường E, thành phố M, tỉnh Tiền Giang, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS10971 ngày 12/7/2019 cho ông Nguyễn Thanh H1, bà Nguyễn Thị Bích T.

5/ Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6/ Hoàn trả cho ông Nguyễn Thanh H số tiền 6.400.000đ tiền dự phí ủy thác tư pháp theo các biên lai thu số 0000060, 0000062, 0000063, 0000065 cùng ngày 30/12/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang.

7/ Án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả cho ông Nguyễn Thanh H số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0000026 ngày 18/11/2021 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP . HCM;
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- Cục THADS tỉnh Tiền Giang;
- Đương sự (21);
- Lưu HS (2), VP(5) 33B LTTT.

Trần Văn Mười